

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3-GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST

Ngày: 07/4/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân THU

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Dung
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Đào Nguyên Quy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trường Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1979; Số CCCD: 052178008459, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Số nhà A đường T, Tổ dân phố D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Đình T1, sinh năm 1969; Số CCCD: 052069003095, cấp ngày 04/3/2022, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; Số CCCD: 052167014469, cấp ngày 04/3/2022, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ có mối quan

hệ thông gia với nhau. Ngoài ra bà có lấy hàng áo khoác của vợ chồng ông T1, bà Đ để bán lại. Do mối quan hệ thân thiết như trên nên vào ngày 09/9/2019 vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ có đến nhà bà hỏi vay 100.000.000đ, bà đồng ý và chuyển khoản vào tài khoản của vợ chồng ông Võ Đình T1 số tiền 100.000.000đ. Vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ viết giấy mượn tiền đề ngày 09/9/2019 có chữ ký của vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ. Khoảng 1 năm sau, do vợ chồng ông Võ Đình T1 không trả nợ nên bà buộc vợ chồng ông T1, bà Đ ký vào hợp đồng vay tài sản (theo mẫu), đề ngày 09/9/2019. Hai bên thoả thuận thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày 09/9/2019, trong 1 năm này thì khoản vay trên không tính lãi, sau 1 năm mà vợ chồng ông T1, bà Đ không trả nợ gốc thì phải chịu lãi suất quá hạn 20%/năm. Khi vay ông T1, bà Đ không có thể chấp tài sản gì cho bà. Do vợ chồng ông T1, bà Đ không trả tiền gốc, tiền lãi theo thoả thuận nên bà đã cầm trừ tài sản của vợ chồng ông T1, bà Đ với giá trị 65.000.000đ. Hiện vợ chồng ông T1, bà Đ còn nợ bà 35.000.000đ. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Võ Đình T1 và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà số tiền vay còn lại là 35.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

*\* Theo Biên bản ghi lời khai bị đơn vợ chồng ông Võ Đình T1 và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Thống nhất về mối quan hệ như bà Lê Thị H trình bày. Do cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông bà có vay của bà Lê Thị H 100.000.000đ có viết giấy mượn tiền ghi ngày 09/9/2019. Sau đó 1 năm, hai bên viết lại hợp đồng vay tài sản vẫn đề ngày 09/9/2019, mặc dù trong giấy nợ không có ghi lãi suất nhưng hàng tháng vợ chồng ông bà phải trả lãi 5.000.000đ cho khoản vay trên. Do tin tưởng nên khi trả lãi hai bên không có viết giấy tờ gì. Do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid, làm ăn khó khăn nên đầu năm 2022 không có khả năng trả lãi cho bà H thì bà H đến nhà ông bà đòi tiền. Vợ chồng ông bà không có khả năng trả nợ nên con trai ông bà là Võ Quốc T2 đã đứng ra trả nợ thay cho ông bà bằng cách cầm trừ tiền hàng với bà H là 65.000.000đ. Hiện vợ chồng ông bà còn nợ bà Lê Thị H 35.000.000đ, số tiền nợ này vợ chồng ông bà xin trả dần hàng tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H buộc vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vay gốc là 35.000.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Võ Đình T1 và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.750.000đ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả số tiền đã vay nên xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ đang cư trú tại thôn M, xã H, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị H; bị đơn vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H và vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ cùng thông nhất xác định vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ có vay của bà Lê Thị H 100.000.000đ vào ngày 09/9/2019, đã trả 65.000.000đ, hiện còn nợ bà Lê Thị H số tiền vay gốc 35.000.000đ là phù hợp với nội dung đơn khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền và Hợp đồng vay tài sản cùng ghi ngày 09/9/2019 nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ đã nhận số tiền vay gốc 100.000.000đ từ bà Lê Thị H, đã trả được 65.000.000đ, còn nợ 35.000.000đ nhưng sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để bảo vệ quyền lợi nên bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay còn lại là 35.000.000đ và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được trả dần số tiền vay còn lại, mỗi tháng 1.000.000đ nhưng không được bà Lê Thị H đồng ý và không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì:

- Vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí với số tiền là 35.000.000đ đồng x 5% = 1.750.000 đồng.

- Bà Lê Thị H không phải chịu tiền án phí nên hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004084 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

[3] Quan điểm về hướng giải quyết vụ án của Đại diện viện kiểm sát nhân dân

khu vực 3- Gia Lai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92 Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

2- Buộc vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

3- Bác yêu cầu của vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ đồng ý trả số nợ còn lại 35.000.000 đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì bà Lê Thị H không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004084 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Vợ chồng ông Võ Đình T1, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí với số tiền 1.750.000đ (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6-Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi

hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Gia Lai ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Thu**